

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3057/2024/DS-ST

Ngày: 12/7/2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bình Minh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 671/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3477/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4453/2024/QĐST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1;

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm: 1973;

Chức danh: Tổng Giám đốc;

Đại diện ủy quyền:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh T2;

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Viết S;

Chức danh: Giám đốc;

(theo Giấy ủy quyền số 3270/2022/QĐ- PL ngày 26/12/2022);

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1973;

Chức danh: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1;

(theo Giấy ủy quyền số 2917A/2023/UQ- TGD ngày 05/9/2023)- có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều T1, sinh năm 1975.

Địa chỉ thường trú: 84 đường D, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2023 và trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Minh T là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 trình bày như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1- Chi nhánh T2 (gọi tắt là Ngân hàng) có cho bà Nguyễn Kiều T1 vay vốn theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 201909228299, số GNN: LD1926000076 ngày 17/9/2019 với số tiền 70.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng; biện pháp bảo đảm tiền vay: không có tài sản bảo đảm và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/02/2020 được cấp hạn mức thẻ tín dụng là 100.000.000 đồng; loại thẻ: Visa Platinum Cashback;

Ngày 20/8/2021, do bà Nguyễn Kiều T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu bà T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký;

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Kiều T1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2024, với tổng số tiền của hai khoản là 258.354.459 đồng, trong đó gồm:

- Đối với Thẻ tín dụng số thẻ 436438-0183: Dư nợ gốc 117.118.918 đồng; lãi quá hạn: 94.866.525 đồng; tổng cộng số tiền là 211.985.443 đồng;

- Đối với Hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 201909228299: Dư nợ gốc 27.232.000 đồng; lãi trong hạn: 7.938.000 đồng; lãi quá hạn: 9.332.836 đồng; lãi phạt quá hạn: 1.866.180 đồng; tổng cộng số tiền: 46.369.016 đồng;

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Nguyễn Kiều T1 vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong Đơn khởi kiện, B tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ.

- Bị đơn là bà Nguyễn Kiều T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn bà Nguyễn Kiều T1 có địa chỉ thường trú tại địa chỉ số H đường D, khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Kiều T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa và đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự;

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 201909228299, ngày 17/9/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/02/2020 được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, 02 hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 201909228299, ngày 17/9/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/02/2020 thì bà Nguyễn Kiều T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi hàng tháng và các khoản khác theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng kể từ ngày 06/9/2022 bà T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số dư nợ của

tổng số tiền của hai khoản là 258.354.459 đồng, trong đó gồm:

- Đối với Thẻ tín dụng số thẻ 436438-0183: Dư nợ gốc: 117.118.918 đồng; lãi quá hạn: 94.866.525 đồng; tổng cộng số tiền là 211.985.443 đồng;

- Đối với Hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số 201909228299: Dư nợ gốc 27.232.000 đồng; lãi trong hạn: 7.938.000 đồng; lãi quá hạn: 9.332.836 đồng; lãi phạt quá hạn: 1.866.180 đồng; tổng cộng số tiền: 46.369.016 đồng;

Xét thấy, bà Nguyễn Kiều T1 đã không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ, lãi phát sinh theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Nguyễn Kiều T1 là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi suất:

- Đối với Hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số 201909228299, ngày 17/9/2019: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T1 phải trả số tiền lãi trong hạn: 7.938.000 đồng; lãi quá hạn: 9.332.836 đồng; lãi phạt quá hạn: 1.866.180 đồng. Xét, khi ký kết hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi phạt quá hạn và lãi suất 14.58%/năm (tức là 1.215%/tháng), việc thỏa thuận lãi suất này và các loại phí nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên đơn áp dụng lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

- Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/02/2020: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T1 phải trả số tiền lãi quá hạn là 94.866.525 đồng. Xét, khi ký kết hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất 43.2%/năm (tức là 3.6%/tháng), việc thỏa thuận lãi suất này là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên đơn áp dụng lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, bà T1 phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 13/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Kiều T1 phải chịu 12.917.723 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 278, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S1:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Kiều T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền 258.354.459 (Hai trăm năm mươi tám triệu, ba trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm năm mươi chín) đồng, cụ thể:

- Dư nợ gốc: 117.118.918 đồng; lãi quá hạn: 94.866.525 đồng; tổng cộng số tiền là 211.985.443 đồng (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/02/2020);

- Dư nợ gốc: 27.232.000 đồng; lãi trong hạn: 7.938.000 đồng; lãi quá hạn: 9.332.836 đồng; lãi phạt quá hạn: 1.866.180 đồng; tổng cộng số tiền: 46.369.016 đồng (theo Hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số 201909228299, ngày 17/9/2019);

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Kiều T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.917.723 (Mười hai triệu, chín trăm mười bảy ngàn, bảy trăm hai mươi ba) đồng.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.570.034 (Bốn triệu, năm trăm bảy mươi ngàn, ba mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002996 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thúy Nga

